

Mô hình lực hấp dẫn ước lượng các yếu tố tác động tới xuất khẩu gạo của Việt Nam: Tiếp cận từ phía cầu

NGÔ THỊ MẾN*

Tóm tắt

Nghiên cứu tìm hiểu và xác định các yếu tố khác nhau tác động tới xuất khẩu (XK) gạo của Việt Nam sang 60 đối tác nhập (NK) chính trong giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2019, tiếp cận từ phía cầu qua việc vận dụng mô hình lực hấp dẫn. Kết quả nghiên cứu chỉ ra các yếu tố tác động tích cực hay cùng chiều và có ý nghĩa tới cầu XK gạo của Việt Nam, bao gồm: (i) Chỉ số giá lương thực của các nước NK; (ii) Tiêu dùng gạo bình quân theo đầu người của các nước NK; (iii) Dân số các nước NK; và (iv) Các nước NK thuộc nhóm nước có thu nhập thấp và trung bình. Kết quả ước lượng cũng chỉ ra các yếu tố tác động tiêu cực hay tác động ngược chiều tới cầu XK gạo của Việt Nam theo thứ tự tác động giảm dần, đó là: (1) Giá tương đối hay tỷ số giữa giá NK thực gạo từ Việt Nam và giá NK thực gạo từ các nước XK của thế giới; (2) Quy mô GDP của các nước NK; (3) Khoảng cách giữa TP. Hồ Chí Minh tới thủ đô của các nước NK; (4) Sản lượng gạo trong nước ở các nước NK.

Từ khóa: xuất khẩu gạo, mô hình lực hấp dẫn, tiếp cận từ phía cầu

Summary

The study explores and identifies factors affecting Vietnam's rice exports to 60 major importers in the period 2001-2019, from the approach of demand side through the gravity model. Research results point out factors having significant positive impacts on Vietnam's rice export demand, including: (i) Food price index of importers; (ii) Per capita rice consumption of importers; (iii) Population of importers; and (iv) Importers belong to the group of low- and middle-income countries. In addition, the results reveal factors having a negative impact on Vietnam's rice export demand, sorted in descending order of influence, which are (1) Relative price or ratio between the real price of imported rice from Vietnam and the real price of imported rice from the importers in the world; (2) GDP of importers; (3) Distance between Ho Chi Minh City and capitals of importing countries; (4) Domestic rice production of importers.

Keywords: rice export, gravity model, demand-side approach

GIỚI THIỆU

Lúa gạo đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Hiện nay, gạo là loại lương thực chính của phần lớn người dân Việt Nam và sản xuất lúa gạo là sinh kế của rất nhiều nông dân. Việt Nam được đánh giá là nước có lợi thế so sánh rất cao về gạo, tuy nhiên gần đây, lợi thế so sánh về gạo của Việt Nam có xu hướng giảm dần và hiện ở mức thấp hơn so với những nước xuất khẩu gạo chủ lực khác, như: Ấn Độ, Thái Lan và Pakistan. Bài viết tìm hiểu và xác định các yếu tố khác nhau tác động tới XK gạo của Việt Nam

tiếp cận từ phía cầu qua việc vận dụng mô hình lực hấp dẫn, từ đó, đề xuất một số giải pháp tăng cường xuất khẩu gạo Việt Nam, nâng cao khả năng cạnh tranh của gạo Việt Nam trên thị trường thế giới.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Jan Tinbergen (1962) đề xuất mô hình lực hấp dẫn vận dụng vào phân

* ThS., Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày nhận bài: 07/5/2022; Ngày phản biện: 14/6/2022; Ngày duyệt đăng: 21/6/2022

tích thương mại quốc tế được công bố lần đầu tiên vào năm 1962. Tuy nhiên trước đó, năm 1860, H. Carey là người đầu tiên áp dụng định luật Newton về lực hấp dẫn vũ trụ vào nghiên cứu hành vi con người và sau đó “mô hình lực hay mô hình lực hấp dẫn” được sử dụng rộng rãi trong khoa học xã hội. Về sau các nhà nghiên cứu xã hội đã đưa mô hình lực hấp dẫn vào phân tích thực nghiệm các luồng thương mại quốc tế.

Mohamed và cộng sự (2014) dùng mô hình lực hấp dẫn để tìm hiểu các yếu tố tác động đến XK nói chung của Ai Cập sang 42 đối tác thương mại chủ yếu cho giai đoạn 2000-2013 cho thấy, các yếu tố tác động tích cực và có ý nghĩa tới XK của Ai Cập, đó là: GDP Ai Cập; GDP của các nước NK; Dân số các nước NK; Hiệp định thương mại vùng (RTA) và chung đường biên giới. Chi phí vận chuyển hay khoảng cách có ảnh hưởng ngược chiều nhưng không có ý nghĩa.

Nghiên cứu của Muhammad và cộng sự (2015) đã dùng mô hình lực hấp dẫn để đi tìm câu trả lời về các yếu tố quy định XK gạo của Pakistan. Nghiên cứu đã phát hiện ra: GDP của cả nước XK; GDP của các nước NK; Dân số của nước XK – Pakistan; Tỷ giá hối đoái của Pakistan và có Chung đường biên giới ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa. Sở dĩ dân số và GDP của Pakistan tăng lại làm tăng lượng gạo XK, vì lúa mì là lương thực chính của Pakistan, chứ không phải là gạo. Tuy nhiên, các yếu tố: Độ mở thương mại; Văn hóa; Ngôn ngữ; và Bàn hàng trong hiệp định thương mại không có ý nghĩa với XK gạo của Pakistan.

Vu Thi Hanh, Doan Quang Hung (2013) chỉ ra rằng, Quy mô dân số hay Thị trường lớn có xu hướng tác động mạnh hơn tới XK gạo của Việt Nam. Trong khi đó, khoảng cách không phải lúc nào cũng có tác động ngược chiều với XK, tuy chi phí vận chuyển có ảnh hưởng tới NK của các đối tác thương mại và XK gạo của Việt Nam. Ngoài ra, các tác giả nhận thấy, nước NK ở xa Việt Nam hay ngoài châu Á, đôi khi có tác động tích cực lên XK, khi các doanh nghiệp XK có năng lực XK cao.

Trần Thị Bạch Yến và Trương Thị Thanh Thảo (2017) cùng xem xét tác động của các yếu tố tới XK gạo của Việt Nam sang thị trường ASEAN

cũng đi tới kết luận tương tự là trừ Khoảng cách địa lý có tác động ngược chiều, còn tất các biến, như: GDP; GDP bình quân theo đầu người; Dân số Việt Nam và dân số nước NK, Lạm phát của Việt Nam; Tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam và đồng USD; và Nước NK là thành viên của hiệp định thương mại có Việt Nam tham gia đều có tác động tích cực lên XK gạo của Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu

Mô hình lực hấp dẫn cho cầu đối với XK gạo của Việt Nam

Trong nghiên cứu này, ngoài việc đưa vào mô hình lực hấp dẫn các biến được dùng phổ biến như ở mô hình lý thuyết cơ bản và mô hình mở rộng, bài viết sẽ bổ sung thêm vào mô hình 6 yếu tố. Các biến giải thích bao gồm các biến quy mô, như: Thu nhập dân số của Việt Nam và các nước NK; Khoảng cách địa lý giữa Việt Nam và các nước; Tỷ giá hối đoái của Việt Nam; Sản lượng gạo của Việt Nam và sản lượng gạo của các nước NK theo từng nước; Tiêu dùng gạo bình quân đầu người của các nước NK; Lượng gạo NK từ Việt Nam và nhập từ các nước còn lại của thế giới; Giá gạo XK trung bình của Việt Nam và giá các nước nhập từ thế giới còn lại; Chỉ số giá lương thực của Việt Nam và của các nước NK. Các biến giả được đưa vào mô hình bao gồm: Các nước thuộc địa hình biển đảo; Nhóm nước có mức thu nhập trung bình và thấp; Nhóm nước có thu nhập cao; Nước NK thuộc các châu lục; Hiệp định thương mại; Thị hiếu về chủng loại gạo; Chính sách lương thực và chính sách thương mại gạo của các nước NK.

Sau khi lấy logarithm tự nhiên, mô hình lực hấp dẫn cho cầu về XK gạo của Việt Nam, như sau:

$$\begin{aligned} \text{Sinh}^{-1}m_{ij,t} = & \alpha_0 + \beta_1 \ln Y_{i,t} + \beta_2 \ln \text{POP}_{i,t} + \beta_3 \ln Y_{j,t} + \\ & \beta_4 \ln \text{POP}_{j,t} + \beta_5 \ln D_{ij} + \beta_6 \ln \text{PROD}_{i,t} + \beta_7 \ln \text{PROD}_{j,t} + \\ & \beta_8 \ln C_{j,t} + \beta_9 \ln \text{MQ}_{j,t} + \beta_{10} \ln E_{i,t} + \beta_{11} \ln \text{XP}_{j,t} + \beta_{12} \ln \text{MP}_{i,t} + \\ & \beta_{13} \ln \text{MP}_{j,t} + \beta_{14} \text{FPI}_{i,t} + \beta_{15} \text{FPI}_{j,t} + \beta_{16} \text{IIs} + \beta_{17} \text{HI} + \\ & \beta_{18} \text{MI} \& \text{LI} + \beta_{19} \text{ASIA} + \beta_{20} \text{ASEAN} + \beta_{21} \text{AFR} + \beta_{22} \text{T1} + \\ & \beta_{23} \text{T2} + \beta_{24} \text{TPF} + \beta_{25} \text{SELF} + \varepsilon_{ij,t} \end{aligned}$$

Trong mô hình lực hấp dẫn này, với: $\text{Sinh}^{-1}m_{ij,t}$ là sin hy-pec-bon của giá trị lượng XK gạo từ Việt Nam (nước i) đến các nước NK gạo của Việt Nam (nước j); $\ln Y_{i,t}$, $Y_{j,t}$, $\ln \text{POP}_{i,t}$, $\ln \text{POP}_{j,t}$ là logarithm tự nhiên của quy mô kinh tế với GDP và dân số của Việt Nam và các nước NK tương ứng; $\ln D_{ij}$ là khoảng cách giữa TP. Hồ Chí Minh và các thủ đô hoặc trung tâm kinh tế/tài chính; $\ln \text{PROD}_{i,t}$, $\ln \text{PROD}_{j,t}$ là logarithm tự nhiên của sản lượng gạo của Việt Nam và của các nước NK gạo từ Việt Nam; $\ln C_{j,t}$ (Inc_0) là logarithm tự nhiên của tiêu dùng gạo bình quân đầu người của các nước NK; $\text{Sinh}^{-1}m_{j,t}$ là sin hy-pec-bon của khối lượng gạo nhập của các nước từ Việt Nam; và $m_{j,t}$ biểu thị cho lượng gạo các nước NK nhập từ thế giới còn lại; $\ln e_{i,t}$ là logarithm tự nhiên của tỷ giá hối đoái giữa đồng tiền Việt Nam và USD với chỉ số giá tiêu dùng của Mỹ (CPI-US) năm 2010 bằng 100; $\ln \text{XP}_{j,t}$ là logarithm tự nhiên của giá XK trung bình của Việt Nam; $\ln \text{MP}_{j,t}$ là logarithm tự nhiên của giá NK thực gạo từ Việt Nam của các nước NK; $\ln \text{MP}_{j,t}$

BẢNG: KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG MÔ HÌNH LỰC HẤP DẪN BẰNG PHƯƠNG PHÁP BÌNH PHƯƠNG NHỎ NHẤT TỔNG QUÁT KHẢ THI CHO MÔ HÌNH CẦU XK GẠO CỦA VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2001-2019

Sinh ^{m1}	Coef.	Std.Er	Z	P> z	Khoảng tin cậy 95%	
$\ln MP_{jt} / MP_{j-row,t}$ ($\ln x_{35}$)	-1,3092	0,4028	-3,2500	0,0010	-2,0986	-0,5198
$\ln x_0$	1,3454	0,3666	3,6700	0,0000	0,6269	2,0638
$\ln e$	-0,9372	2,3270	-0,4000	0,6870	-5,4981	3,6237
$\ln c_0$	0,3354	0,1293	2,5900	0,0090	0,0820	0,5888
$\ln d_0$	-0,6708	0,1868	-3,5900	0,0000	-1,0369	-0,3046
$\ln x_{17}$	1,0101	0,2555	3,9500	0,0000	0,5093	1,5108
$\ln s_n$	-0,1954	0,0539	-3,6300	0,0000	-0,3009	-0,0898
$\ln gdp_n$	-0,7493	0,1351	-5,5400	0,0000	-1,0142	-0,4844
MI & LI (X_8)	1,9819	0,3206	6,1800	0,0000	1,3536	2,6103
_cons	17,5407	22,8121	0,7700	0,4420	-27,1703	62,2517

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

là logarithm tự nhiên của giá NK gạo của các nước NK từ các nước XK gạo còn lại của thế giới; FPI_{jt} là chỉ số giá lương thực của Việt Nam; $FPI_{jt}(x_0)$ là chỉ số giá lương thực của các nước NK gạo từ Việt Nam; ε_{jt} là số hạng sai số chuẩn với trung bình bằng 0 và phương sai σ_ε^2 .

Nguồn dữ liệu

Mô hình lực hấp dẫn sử dụng các dữ liệu dùng cho các biến trong khoảng thời gian từ năm 2001-2019. Các dữ liệu về tổng sản lượng gạo và tổng lượng gạo XK của Việt Nam, tổng giá trị XK, giá XK gạo trung bình, tổng sản phẩm trong nước (GDP), dân số, chỉ số giá lương thực và tỷ giá hối đoái được thu thập từ số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê (TCTK/GSO) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SCB). Trong số 60 nước NK gạo chính, có thể thu thập dữ liệu liên tục cho 21 nước từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) và Tổng cục Hải quan (TCHQ).

Các dữ liệu khác lấy từ Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hiệp quốc (FAO), Thống kê gạo thế giới (WRS), Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), Viện nghiên cứu Lúa Quốc tế (IRRI), Dịch vụ Nghiên cứu Kinh tế thuộc Bộ Nông Nghiệp Mỹ (ers.USDA), Ngân hàng Thế giới (World Bank). Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Mỹ lấy từ Văn phòng Thống kê Lao động của Mỹ (US-BLS) được sử dụng để loại trừ ảnh hưởng của lạm phát khi tính GDP thực, tổng giá trị XK và giá xuất, giá NK và tỷ giá hối đoái theo giá cố định năm 2010, cho giai đoạn 2001-2019.

Khoảng cách giữa TP. Hồ Chí Minh và thủ đô các nước NK được thu thập từ trang mạng điện tử về nguồn dữ liệu địa lý (<https://www.geodatasource.com/distance-calculator>). Lý do không chọn khoảng cách từ Hà Nội tới thủ đô các nước NK là do hầu

hết gạo XK được xuất đi từ TP. Hồ Chí Minh và các cảng biển thuộc các tỉnh lân cận, nơi cung cấp tới 90% lượng gạo XK của cả nước (VFA, 2001-2019).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kiểm định lựa chọn mô hình

Trước tiên, thực hiện các ước lượng đối với các mô hình lực hấp dẫn cơ bản với số liệu mảng cho mô hình tĩnh, bao gồm: POLS, FE và RE. Dựa trên các kết quả kiểm định F và kiểm định Wald cho thấy, các mô hình đều phù hợp ở mức ý nghĩa cao. Vấn đề đa cộng tuyến được xem xét qua kiểm định VIF cho thấy, VIF lớn nhất ở 2 mô hình là < 3. Như vậy, không có đa cộng tuyến nghiêm trọng khi ước lượng mô hình chứa các biến độc lập này.

Kiểm định F để lựa chọn giữa POLS và FE đều có p -value = 0,0000, điều này dẫn đến bác bỏ giả thuyết không cho rằng, tất cả các $u_i = 0$ hay không có sự khác biệt giữa các đối tượng. Do vậy, việc lựa chọn mô hình FE là phù hợp hơn. Tiếp theo, việc quyết định chọn FE hay RE dựa trên kiểm định Hausman, cùng với kết quả p -value = 0,0000 ta cũng bác bỏ giả thuyết không rằng, mô hình RE là phù hợp. Như vậy, ta chọn mô hình FE trong cả hai trường hợp.

Đối với mô hình FE, các kiểm định về phương sai sai số thay đổi và tự tương

quan chuỗi được thực hiện kết quả chỉ ra rằng, các giá trị thống kê tương ứng của kiểm định Wald điều chỉnh và kiểm định Wooldridge cho thấy, tuy không tự tương quan, nhưng có sự tồn tại của phương sai thay đổi trong mô hình FE. Điều này sẽ dẫn đến các ước lượng không hiệu quả khi sử dụng OLS thông thường. Để loại bỏ vấn đề này, các mô hình tiếp tục được ước lượng với phương pháp bình phương nhỏ nhất tổng quát khả thi (FGLS). Mặc dù, nghiên cứu này đã xây dựng được một số biến giả như đã định nghĩa, nhưng chúng đã bị loại khỏi mô hình do không thích hợp, vì thế số biến còn lại trong mô hình cuối cùng không nhiều.

Kết quả ước lượng mô hình cầu XK gạo của Việt Nam, giai đoạn 2001-2019

Dùng mô hình lực hấp dẫn để ước lượng nghiên cứu thu được kết quả ở Bảng.

Kết quả ước lượng cho thấy, cầu XK gạo ở Việt Nam chịu tác động của 2 nhóm các yếu tố: nhóm yếu tố tác động tích cực và nhóm tác động tiêu cực. Cụ thể như sau:

Nhóm các yếu tố tác động tích cực và có ý nghĩa lên cầu XK gạo của Việt Nam

Yếu tố thứ nhất: Chỉ số giá lương thực của các nước NK có tác động tích cực và có ý nghĩa lên cầu XK gạo của Việt Nam. Nghĩa là khi giá lương thực ở các nước NK tăng hay lương thực và gạo trong nước nhập trở nên đắt hơn, thì cầu về NK gạo hay cầu XK gạo từ Việt Nam tăng. Trong nghiên cứu này, kết quả cho thấy, khi chỉ số giá lương thực ở các nước NK tăng 1% sẽ dẫn tới cầu đối với gạo XK của Việt Nam tăng lên 1,3%. Điều này hoàn toàn nhất quán với kỳ vọng về dấu của hệ số đã nêu lên trước đây.

Yếu tố thứ hai: Khối lượng gạo tiêu dùng bình quân theo đầu người ở các nước NK. Do thiếu gạo trong nước, nên các nước phải NK gạo và khi tiêu dùng gạo bình quân đầu người tăng sẽ làm lượng gạo cần NK tăng lên để bù phần thiếu hụt gia tăng. Vì vậy, cầu đối với XK gạo của Việt Nam tăng lên, tuy không nhiều. Trong trường hợp này, khi tiêu dùng bình quân đầu người tăng 1%, thì cầu về XK gạo ở Việt Nam chỉ tăng 0,33%.

Yếu tố thứ ba: Quy mô dân số của các nước NK gạo từ Việt Nam. Dân số các nước NK càng lớn, thì cầu đối với XK gạo từ Việt Nam càng lớn. Điều này phù

hợp với kết quả ước lượng từ mô hình lực hấp dẫn của hầu hết các nghiên cứu gần đây về các yếu tố ảnh hưởng tới XK nói chung. Thực tế cho thấy rằng, nhiều nước NK gạo của Việt Nam thuộc nhóm nước đông dân, như: Trung Quốc, Indonesia, Philippines, Nigeria... Hơn nữa, đây là những nước sản xuất và tiêu dùng gạo lớn trên thế giới, có mức tiêu dùng bình quân theo đầu người cao và thiếu hụt cung về gạo.

Yếu tố thứ tư: Các nước NK thuộc nhóm nước có thu nhập bình quân theo đầu người ở mức trung bình và thấp. Ở các nước này gạo là lương thực chính và là nguồn cung ứng năng lượng chủ yếu của người dân, nên nó là mặt hàng thiết yếu. Tiêu dùng gạo bình quân theo đầu người vẫn đang tăng lên ở đa số các nước thiếu gạo có thu nhập thấp. Bởi vậy, yếu tố này có tác động rất tích cực và có ý nghĩa với cầu XK gạo của Việt Nam.

Nhóm yếu tố có tác động cản trở cầu XK gạo từ Việt Nam

Một là, Tỷ số giữa giá nhập thực gạo của Việt Nam và giá nhập thực gạo của các nước khác hay giá tương đối giữa gạo từ Việt Nam và từ thế giới tăng sẽ làm giảm cầu XK gạo từ Việt Nam. Nghĩa là, khi giá gạo XK của Việt Nam càng cao tương đối so với giá gạo của các nước XK của thế giới, thì cầu đối với gạo XK ở Việt Nam càng giảm. Điều này là lẽ tự nhiên, vì lý do kinh tế, các nước thay vì NK gạo của Việt Nam sẽ chuyển sang NK gạo từ các nước có giá cạnh tranh hơn hay thấp hơn tương đối so với giá nhập từ Việt Nam. Kết quả ước lượng có ở Bảng cho thấy, khi giá tương đối này tăng lên 1%, thì cầu XK ở Việt Nam giảm đi 1,3%. Điều này hoàn toàn nhất quán với kỳ vọng đưa ra trước đó.

Hai là, Khoảng cách địa lý giữa TP. Hồ Chí Minh và thủ đô các nước NK. Đây là biến đại diện cho chi phí vận chuyển gạo từ Việt Nam tới các nước NK gạo. Khoảng cách càng xa có nghĩa là chi phí vận chuyển càng cao, đẩy giá gạo NK lên khiến gạo Việt Nam trở nên đắt đỏ hơn tại các nước NK. Lượng cầu về gạo Việt vì thế giảm và hệ quả là nhu cầu NK gạo Việt Nam bị cắt giảm hay giảm cầu XK từ Việt Nam.

Ba là, Tổng sản lượng gạo của các nước NK. Hiển nhiên là khi lượng gạo do các nước NK sản xuất ra càng lớn, thì khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước càng cao khiến cho cầu NK gạo từ bên ngoài càng nhỏ. Đây là quan hệ nhân quả hợp logic. Tuy nhiên, do lượng cung về gạo tại chỗ còn khá khiêm tốn tương đối so với cầu về gạo trong các nước nhập, mối quan hệ ngược chiều này không mạnh như được chỉ ra ở Bảng. Kết quả ước lượng cho thấy, khi sản lượng gạo trong các nước NK tăng thêm 1%, thì cầu đối với XK gạo từ Việt Nam chỉ giảm đi xấp xỉ 0,2%.

Bốn là, GDP của các nước NK. Điều này có thể hiểu theo hai cách: Cách thứ nhất: Được xem xét đối với nhóm nước NK có thu nhập bình quân đầu người cao; khi GDP càng lớn, thì thu nhập bình quân đầu người tăng. Ở những nước này gạo không còn là mặt

hàng thiết yếu, mà đã trở thành mặt hàng thứ cấp. Thay vì dùng gạo là lương thực chính, người dân đã chuyển sang tiêu dùng các lương thực cao cấp hơn. Kết quả là tiêu dùng gạo bình quân theo đầu người giảm khiến cầu NK gạo từ Việt Nam của các nước này giảm. Mặt khác, gạo XK từ Việt Nam qua mấy thập kỷ có tiếng là gạo chất lượng thấp và giá rẻ, nên không phù hợp và không đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng các nước có thu nhập cao. Hậu quả là cầu XK gạo đối với Việt Nam bị thu hẹp.

Cách thứ hai: Đối với nhiều nước NK của Việt Nam, gạo là mặt hàng đặc biệt và nhạy cảm và gạo cũng đóng góp một phần đáng kể vào GDP. Ở những nước này, mục tiêu theo đuổi của chính phủ là tự túc gạo trong nước. Nông dân được khuyến khích gia tăng sản xuất gạo ở trong nước làm gạo đóng góp nhiều hơn vào GDP. Như vậy, GDP tăng lên, đồng thời, khả năng tự túc về gạo cũng lớn hơn đồng nghĩa với sự cắt giảm lượng gạo cần NK. Điều này tác động tiêu cực tới cầu XK ở Việt Nam. Kết quả ước lượng ở Bảng cho thấy, khi GDP của các nước NK tăng lên 1%, thì cầu XK ở Việt Nam giảm đi 0,75%. Điều này trái với những kết luận đưa ra từ hầu hết các nghiên cứu cho tới nay là GDP của nước NK là yếu tố có tác động tích cực và có ý nghĩa đối với cầu XK nói chung.

Năm là, yếu tố tỷ giá hối đoái: Tính bằng số đơn vị đồng Việt Nam trên một đô la Mỹ, cũng có tác động tiêu cực tới cầu XK ở Việt Nam. Tuy nhiên, mối quan hệ này không có ý nghĩa. Như vậy, trái với kỳ vọng và không giống với kết quả tìm thấy từ hầu hết các tác giả trước đây là tỷ giá hối đoái có tác động tích cực tới cầu XK gạo từ Việt Nam.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý NGHIÊN CỨU

Kết luận

Nghiên cứu này vận dụng mô hình lực hấp dẫn sử dụng dữ liệu mảng để chỉ ra các yếu tố quy định cầu XK gạo của Việt Nam sang 60 nước NK gạo chủ chốt trong giai đoạn 2001-2019. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, cầu XK gạo từ Việt Nam sang 60 nước NK chính được thúc đẩy bởi 4 yếu tố là những yếu tố

tác động tích cực (theo thứ tự tác động động giảm dần) và có ý nghĩa, đó là: (1) Nhóm nước NK có thu nhập bình quân theo đầu người ở mức trung bình và thấp trong số 60 nước NK; (2) Chỉ số giá lương thực của các nước NK; (3) Quy mô dân số của các nước NK; (4) Lượng gạo tiêu dùng bình quân theo đầu người ở các nước NK.

Đồng thời, các kết quả ước lượng cũng chỉ ra các yếu tố tác động tiêu cực hay tác động ngược chiều tới cầu XK gạo của Việt Nam theo thứ tự tác động giảm dần, đó là: (1) Giá tương đối hay tỷ số giữa giá NK thực gạo từ Việt Nam và giá NK thực gạo từ các nước XK của thế giới; (2) Quy mô GDP của các nước NK; (3) Khoảng cách giữa TP. Hồ Chí Minh tới thủ đô của các nước NK; (4) Sản lượng gạo trong nước ở các nước NK. Trong khi đó, Tỷ giá hối đoái của Việt Nam có tác động tương đối lớn, nhưng không có ý nghĩa. Do đó, phá giá đồng tiền Việt không phải là biện pháp để đẩy mạnh XK gạo từ Việt Nam.

Hàm ý nghiên cứu

Để hạn chế tác động ngược chiều tới cầu XK của Việt Nam thì việc giảm chi phí để hạ giá thành sản phẩm và đồng thời nâng cao chất lượng gạo XK là điều kiện tiên quyết để tăng khả năng cạnh tranh của hạt gạo Việt trên các thị trường quốc tế. Thêm vào đó là việc điều tra nghiên cứu thị trường, đặc biệt, đối với các nước có GDP lớn và các nước theo đuổi mục tiêu tự túc gạo cũng hết sức cần thiết để nắm bắt một cách chính xác và đầy đủ nhu cầu về khối lượng gạo, chất lượng gạo, chủng loại gạo của các nước NK. Trên cơ sở đó để đáp ứng thật kịp thời và đầy đủ nhu cầu từng thị trường XK. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Bạch Yến, Trương Thị Thanh Thảo (2017). Các nhân tố ảnh hưởng đến XK gạo Việt nam sang thị trường ASEAN: Kết quả phân tích bằng mô hình trọng lực, *The UHD-CTU Annual Economics and Business Conference*, 13(14), 768-778
2. Vu Thi Hanh, Doan Quang Hung (2013). *Vietnamese rice exports: Do large destination markets stimulate?*, MPRA Paper 63891, University Library of Munich
3. Mohamed A. Elshehawy, H. S., R. A. Ahmed (2014). The Factors Affecting Egypt's Exports: Evidence from the Gravity Model Analysis, *Open Journal of Social Sciences*, 2(11), 138-148
4. Muhammad Abdullah, J. L., Sidra Ghazanfar, Majid Lateef, and I. K. a. M. N. I. Jaleel Ahmed (2015). What Factors Determine the Rice Exports of Pakistan? Finding the Answer by Applying the Gravity Model, *American-Eurasian J. Agric. & Environ. Sci*, 15(12), 2521-2527
5. Tinbergen, J. (1962). *Shaping the World Economy; Suggestions for an International Economic Policy*, New York The Twentieth Century Fund New York, 1, 1-240